TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/DS-ST
Ngày 26-01-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Triều Vũ Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Văn Phượng

Ông Nguyễn Hồng Được

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Long Phú tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại Hội trường xét xử – Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tiến hành mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2023/TLST - DS ngày 26 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 194/2023/QĐXXST - DS ngày 25 tháng 12 năm 2023; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng A

Địa chỉ: đường L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lâm Ngọc T – Chức vụ: Trưởng phòng KHKD Ngân hàng A - Chi nhánh huyện L – Phòng giao dịch L, địa chỉ: Ấp 4, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (theo Giấy ủy quyền ngày 23/6/2023 (Có mặt).

Bị đơn: Bà Trần Kim N, sinh năm 1981; Địa chỉ: Ấp 1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/6/2023 cũng như tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Sau quá trình thỏa thuận ngày 20 tháng 01 năm 2020 bà Trần Kim N và Ngân hàng A - chi nhánh huyện L đi đến thống nhất ký hợp đồng tín dụng số 7603-LAV 202000207/HĐTD với số tiền cho vay 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng), hạn trả 20 tháng 01 năm 2025, lãi suất cho vay 11%, lãi suất nợ quá hạn 150%/lãi suất trong hạn, lãi chậm trả: 5%/năm. Mục đích vay vốn: Chi phí tiêu dùng đời sống. Cho vay không có bảo đảm bằng tài sản, nguồn trả nợ từ tiền lương lĩnh hàng tháng. Tính đến 15/06/2023 bà Trần Kim N còn nợ Ngân hàng A - chi nhánh huyện L tổng số tiền 179.818.082 (Một trăm bảy mươi chín triệu, tám trăm mười tám ngàn, không trăm tám mươi hai) đồng, trong đó nợ gốc 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng), nợ lãi vay tạm tính đến 15/06/2023 là 19.818.082 đồng (Mười chín triệu, tám trăm mười tám ngàn, không trăm tám mươi hai đồng).

Mặc dù Ngân hàng A - chi nhánh huyện L áp dụng các biện pháp xử lý nợ nhưng bà Trần Kim N vẫn không thực hiện đúng như thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Tại phiên tòa, Ngân hàng A yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Long Phú xem xét, giải quyết: Buộc bà Trần Kim N hoàn trả nợ vay cho Ngân hàng A do Ngân hàng A - Chi nhánh huyện L đại diện nhận tổng số tiền 190.667.397 (Một trăm chín mươi triệu, sáu trăm sáu mươi bảy ngàn, ba trăm chín mươi bảy) đồng, trong đó nợ gốc 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng), nợ lãi vay tạm tính đến ngày xét xử 26/01/2024 là 30.667.397 (Ba mươi triệu, sáu trăm sáu mươi bảy ngàn, ba trăm chín mươi bảy) đồng và lãi phát sinh khi trả tất nợ gốc.

Đối với bị đơn bà Trần Kim N: Kể từ khi thụ lý đến nay, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà N, nhưng bà không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như tham dự theo các giấy triệu tập của Tòa. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Trần Kim N có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng với số tiền vốn lãi tạm tính đến ngày 26/01/2024

190.667.397 (Một trăm chín mươi triệu, sáu trăm sáu mươi bảy ngàn, ba trăm chín mươi bảy) đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 27/01/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Trần Kim N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó HĐXX căn cứ vào khoản 2, Điều 227, Điều 228 và khoản 3 Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà N.

[2] Về nội dung vụ án: Ngân hàng A yêu cầu bà Trần Kim N có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc 160.000.000 (Một trăm sáu mươi triệu) đồng, tiền lãi tính đến ngày 26/01/2024 là 30.667.397 (Ba mươi triệu, sáu trăm sáu mươi bảy ngàn, ba trăm chín mươi bảy) đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng đến khi trả xong nợ gốc cho Ngân hàng.

[3] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: Ngân hàng A có cung cấp các Bản sao Hợp đồng tín dụng số 7603-LAV-202000207/HĐTD ngày 20/01/2020, Phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ, phương án sử dụng vốn (Bút lục 21, 22, 23, 24) thể hiện chữ ký của bà N ở bên vay. Xét thấy, về hình thức, nội dung các văn bản này là phù hợp theo quy định của pháp luật, đồng thời quá trình thụ lý Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ cho bà N biết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng bà N không có ý kiến phản hồi. Căn cứ vào Điều 92 đây là tình tiết không phải chứng minh, nên Hội đồng xét xử khẳng định bà N đã vay và nhận đủ của Ngân hàng số tiền gốc là 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng). Trong quá trình vay, bà N đã thanh toán cho Ngân hàng được một phần vốn và lãi tính đến ngày 30/4/2022.

Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu bà N tiếp tục thực hiện việc thanh toán, nhưng bà N vẫn không thực hiện. Do vậy, việc bà N không thực hiện nghĩa vụ trả dư nợ gốc và lãi theo giao kết trong hợp đồng là đã vi phạm thỏa thuận mà các bên đã ký kết, bà N là người có lỗi, là người vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết. Vì vậy, việc nguyên đơn Ngân hàng yêu cầu bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc còn lại là 160.000.000 (Một trăm sáu mươi triệu) đồng là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 280, Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi: Tại Điều 2 Hợp đồng tín dụng số 7603-LAV-202000207/HĐTD ngày 20/01/2020, các bên thỏa thuận lãi suất cho vay trong hạn là 11%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi chậm trả

5%/năm. Xét thấy mức lãi suất các lãi suất bên thỏa thuận trong trong Hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, số tiền lãi trên Ngân hàng đã tính đúng theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận nên bà N phải có nghĩa vụ trả lãi cho Ngân hàng theo giao kết là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng A dư nợ tính đến ngày xét xử số tiền 190.667.397 (Một trăm chín mươi triệu, sáu trăm sáu mươi bảy ngàn, ba trăm chín mươi bảy) đồng, trong đó nợ gốc 160.00.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng), nợ lãi vay tạm tính đến ngày xét xử 26/01/2024 là 30.667.397 (Ba mươi triệu, sáu trăm sáu mươi bảy ngàn, ba trăm chín mươi bảy) đồng và lãi phát sinh cho đến khi hoàn trả xong nợ gốc.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn phải chịu 9.533.370 (Chín triệu, năm trăm ba mươi ba ngàn, ba trăm bảy mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm; nguyên đơn Ngân hàng A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 235; Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91, khoản 1 và khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7 và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, lãi phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A: Buộc bị đơn bà Trần Kim N có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng A dư nợ

tính đến ngày xét xử với số tiền 190.667.397 (Một trăm chín mươi triệu, sáu trăm sáu mươi bảy ngàn, ba trăm chín mươi bảy) đồng, trong đó số tiền gốc 160.000.000 (Một trăm sáu mươi triệu) đồng, tiền lãi tính đến 26/01/2024 là 30.667.397 (Ba mươi triệu, sáu trăm sáu mươi bảy ngàn, ba trăm chín mươi bảy) đồng và bà N còn phải trả cho Ngân hàng A tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo hợp đồng kể từ ngày 27/01/2024 cho đến khi trả xong số nợ gốc.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn bà Trần Kim N phải chịu 9.533.370 (Chín triệu, năm trăm ba mươi ba ngàn, ba trăm bảy mươi) đồng. Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.495.000 (Bốn triệu, bốn trăm chín mươi lăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0010083 ngày 20/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

[3] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

[4] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tăng Triều Vũ Hà